



LUYỆN NGHE NÓI 1000 TỪ VỰNG TIẾNG ANH THÔNG DỤNG

CHỦ ĐỀ 32: NGÀY LỄ TẾT (HOLIDAY)

Phước lành



Blessing

Ăn mừng,
chào mừng



Celebrate

Lễ Giáng sinh



Christmas

Trang trí, trang
hoàng



Decorate



LIVEWORKSHEETS

Lễ Phục sinh



Easter

Lễ hội



Festival

Có tính chất,
không khí lễ hội



Festive

Ngày lễ



Holiday

Lễ Quốc khánh



Independence
day

Niềm vui sướng



Joy

Tết nguyên
đán



Lunar new year

Tết Trung thu



Mid-autumn

LIVEWORKSHEETS

Giao thừa



New year's eve

Món quà



Present

Món quà



Gift

Truyền thống



Tradition

Điều ước, lời
chúc; (verb): Ước



Wish